

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 578/2024/HSPT
Ngày 19 tháng 7 năm 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các thẩm phán: Ông Chu Thành Quang
Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lê Giang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bình, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 88/2024/TLPT-HS ngày 23 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo Lâm Hữu S. Do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH N2 và bà Trần Thị V đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 158/2020/HS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Bị cáo bị kháng cáo: Lâm Hữu S, sinh năm 1975; nơi ĐKKHKT: Số E Đường A, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: Phòng G Chung cư I đường P, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nguyên Chủ tịch HĐQT Công ty K2, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty E; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn P và bà Trần Thị N; có vợ là Phan Thị Ngọc K và 02 con (sinh năm 2003 và 2007); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 01/6/2016 tại Trại tạm giam T16 Bộ C2 (hiện đang chấp hành án tại Trại giam T5 - Bộ C2; vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

1. Công ty TNHH N2.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH N2: Bà Trang Thu L, Giám đốc Công ty; địa chỉ: Số B T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân Đ, sinh năm 1973; địa chỉ: 3 T, Đ, Bắc T, thành phố Hà Nội (có mặt).

2. Bà Trần Thị V, sinh năm 1949 (là chủ cơ sở Trang trại nuôi gà đẻ tại địa chỉ: ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long - có đơn xin xét xử vắng mặt).

Ngoài ra, vụ án còn có 03 bị cáo, 416 bị hại và 06 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị (Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra tại Công ty Cổ phần K2.

Công ty Cổ phần K2 (sau đây viết tắt là: Công ty K2), địa chỉ tại Tầng G V, Tòa nhà H, đường P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội được thành lập ngày 29/5/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0106556365 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H; ngành nghề kinh doanh là hoạt động tài chính chưa phân vào đâu, tư vấn, môi giới kinh doanh bất động sản...; đại diện theo pháp luật là Lâm Hữu S, Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT); vốn điều lệ là 100 tỷ đồng, gồm các cổ đông: Phan Văn C 35 tỷ đồng (35%), Lâm Hữu S 30 tỷ đồng (30%), Nguyễn Minh G 15 tỷ đồng (15%), Hà Trung K1 10 tỷ đồng (10%), Nguyễn Tường A 10 tỷ đồng (10%) nhưng thực tế các cổ đông đều chưa có vốn góp vào Công ty.

Sau khi thành lập, các cổ đông Công ty K2 bầu và quyết định các chức danh quản trị điều hành công ty như sau: Lâm Hữu Sơn làm Chủ tịch HĐQT; Phan Văn C làm Tổng giám đốc; Nguyễn Minh G làm Phó Chủ tịch HĐQT; Hà Trung K1 làm Giám đốc Đầu tư; Nguyễn Tường A làm Giám đốc Dự án. Các cổ đông Công ty K2 đã bàn bạc, thống nhất việc thiết kế, in ấn cuốn catalogue giới thiệu, quảng bá về Công ty như sau.

“Tập đoàn K2 là một doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính; mong muốn đem đến sự thịnh vượng cho khách hàng bằng sản phẩm hợp tác đầu tư lợi nhuận cao bằng cách đầu tư một khoản tiền nhất định trong một kỳ hạn, khách hàng sẽ nhận được lợi nhuận hấp dẫn hàng tháng cao hơn hẳn các kênh đầu tư khác; mong muốn đem lại cơ hội làm giàu an toàn cho tất cả người dân Việt Nam; cam kết là người bạn tin cậy, là đối tác trung thành của các nhà đầu tư...;

Sau năm 2015, K2 trở thành Tập đoàn đầu tư đa ngành trên nền tảng dịch vụ và công nghệ đầu tư..., có sứ mạng bảo vệ, phát triển nguồn vốn và tài sản nhà đầu tư...;

Đối tác chiến lược của Công ty, gồm: Công ty F là một nhà môi giới quốc tế cung cấp dịch vụ chất lượng hàng đầu và đầu tư tài chính trên toàn thế giới; Công ty

G1 chuyên cung cấp dịch vụ tư vấn, đầu tư trên thị trường hàng hóa phái sinh; Quỹ đầu tư tài chính CM Group là tổ chức quản lý và kinh doanh vốn cho các doanh nghiệp CMG đã đầu tư vào các doanh nghiệp nhỏ từ 03 triệu đến 250 triệu nhóm quản lý vốn là những người cho vay/môi giới được cấp phép tại C để tài trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa...;

Các dự án đầu tư của Công ty K2 bao gồm:

- Hợp tác toàn diện với Học viện N3 để đào tạo và cấp cho học viên của K2 chứng chỉ đầu tư tài chính uy tín và duy nhất tại Việt Nam;

- Hệ thống khách sạn Y1 tại số D đường T, phường D, quận C, Hà Nội chuyên cung cấp phong phú các loại phòng có không gian rộng, sang trọng tràn ngập ánh sáng... với 30 phòng và 1 nhà hàng, 1 quầy bar;

- Trung tâm chăm sóc sức khỏe và làm đẹp G, B T, quận C, Hà Nội;

- Khai thác khoáng sản (kaolin) tại Phú Thọ;

- Chuỗi nhà hàng quán cà phê, bar mang thương hiệu Bar of King;

- Dự án khu D;

- Dự án chung cư cao cấp Hòa Bình G;

- Dự án nhà máy chế biến khí hiếm tại Bắc Ninh;

Hệ thống các dự án với ngành nghề đa dạng nhưng nằm trong một hệ thống chặt chẽ sẽ đảm bảo nguồn thu dài hạn và những lợi nhuận hấp dẫn ngắn hạn cho nguồn vốn đầu tư vào K Việt Nam.

Công ty K2 có sản giao dịch bất động sản King Land có thể mạnh trong lĩnh vực tư vấn thủ tục đầu tư bất động sản, cung cấp dịch vụ phân phối sản phẩm dự án...

Tư vấn đầu tư dự án: Dịch vụ của K2 được thiết kế phù hợp với yêu cầu của từng khách hàng cho mọi công đoạn triển khai dự án: Chuẩn bị đầu tư dự án, tư vấn và hỗ trợ triển khai dự án, tư vấn và thu xếp nguồn vốn cho dự án... ”.

Đầu tháng 5/2014, Công ty K2 tổ chức buổi lễ tại khách sạn Y1 (số A T, quận C) để công bố và trao quyết định Trưởng Văn phòng đại diện Công ty F1 tại Việt Nam cho Lâm Hữu S.

Ngoài ra, để thu hút khách hàng cho Công ty K2 vay tiền, ngày 15/5/2014 Lâm Hữu S ký ban hành văn bản quy định về lợi nhuận của khách hàng đối với các hợp đồng cho vay số tiền từ 30 triệu đồng trở lên như sau: thời hạn 3 tháng, lãi suất 3%/tháng (tương đương 36%/năm); 6 tháng, lãi suất 3,2%/tháng (tương đương 38,4%/năm); 9 tháng, lãi suất 3,5%/tháng (tương đương 42%/năm); 12 tháng, lãi suất 3,8%/tháng (tương đương 45,6%/năm).

Tại văn bản ngày 15/5/2014, Lâm Hữu S quy định chế độ thưởng hoa hồng cho nhân viên Công ty K2 theo số tiền của khách hàng cho công ty V1. Do đó, khối kinh doanh tài chính do Lê Văn T làm Giám đốc và các Trưởng phòng kinh doanh là Lương Thị L1, Đỗ Quốc B, Lê Thị Tuyết H, Nguyễn Huy M cùng nhân viên kinh doanh đều chủ động, tích cực gặp gỡ giới thiệu, tư vấn với khách hàng về năng lực của Công ty K2, về các dự án của Công ty đang kinh doanh rất hiệu quả, về hưởng lợi nhuận rất cao khi cho Công ty vay vốn. Tháng 6/2014 Công ty K2 tổ chức buổi lễ tại Văn phòng Công ty để tặng quà tri ân khách hàng cho Công ty vay vốn...

Bằng cách thức nêu trên: Từ tháng 4 đến tháng 11/2014, Công ty K2 đã huy động vốn của 140 khách hàng thông qua việc ký 285 “hợp đồng vay vốn” hoặc “hợp đồng góp vốn” và đã nhận được tổng số tiền 45.498.000.000 đồng (gồm 34.081.928.740 đồng tiền mặt, 7.933.096.250 đồng chuyển khoản và 3.482.975.010 đồng chuyển từ khoản nợ của cá nhân Phan Văn C đối với một số khách hàng). Trong đó: Lâm Hữu S đã ký 150 hợp đồng, số tiền vay 23.768.000.000 đồng; Phan Văn C ký 134 hợp đồng, số tiền 21.630.000.000 đồng; Nguyễn Minh G ký 01 hợp đồng, số tiền 100.000.000 đồng. Trong tổng số tiền 45.498.000.000 đồng, có 3.482.975.010 đồng chuyển từ khoản nợ của cá nhân Phan Văn C, do đó thực tế Công ty K2 thu của khách hàng số tiền 42.015.024.990 đồng.

Kết quả điều tra, xác định: Công ty K2 không có mối liên hệ nào với Công ty F2; Công ty G1 do Nguyễn Minh G thành lập nhưng không hoạt động. Đối với 09 dự án đầu tư mà Công ty K2 quảng bá nêu trên thì có 05 dự án không có thật gồm: dự án hợp tác với Học viện N3 và cấp chứng chỉ đầu tư tài chính; khai thác khoáng sản (kaolin) tại Phú Thọ; chuỗi nhà hàng quán cà phê, bar mang thương hiệu Bar of King; nhà máy chế biến khí hiếm tại Bắc Ninh; sản giao dịch bất động sản K. Còn lại 04 dự án là: hệ thống Khách sạn Y1 (của bà Phạm Thị Y); Trung tâm C3 (của bà Phạm Thúy N1); Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Venus C (của Công ty G2) và dự án chung cư cao cấp Hòa Bình Green City (của Công ty TNHH H5) thì các dự án này không phải là của Công ty K2 và cũng không có quan hệ gì với Công ty K2. Để thu hút sự quan tâm và tạo niềm tin đối với khách hàng, Lâm Hữu S và các cổ đông Công ty K2 đã bàn bạc, thống nhất đưa các thông tin gian dối nêu trên vào cuốn catalogue.

Đối với số tiền 42.015.024.990 đồng thu được, Lâm Hữu S và Phan Văn C đã sử dụng: Trả tiền gốc cho khách hàng; trả lãi suất, tiền thưởng cho khách hàng; chi phí cho hoạt động của Công ty; chi Dự án Netgo xây dựng, thiết kế web và phần mềm đầu tư tài chính để thành lập sàn đầu tư tài chính cho Công ty K2; sử dụng mua xe ô tô Mercedes Benz GLK250 và làm thủ tục vay, trả lãi vay ngân hàng để mua xe ô tô trên; chi cho Phan Văn C theo yêu cầu của C; chi cho Lâm Hữu S, Nguyễn Minh G, Hà Trung K1 (trong đó, Lâm Hữu S trực tiếp chiếm đoạt số tiền 1.611.623.140 đồng).

Sau khi Công ty K2 dừng hoạt động, Lâm Hữu S cùng 04 cổ đông khác đứng ra thành lập Công ty Cổ phần E (sau đây gọi tắt là Công ty E).

b) Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra tại Công ty Cổ phần E (sau đây viết tắt là: Công ty E):

Công ty E được thành lập ngày 10/7/2015 (từ mô hình Công ty TNHH Một thành viên), mã số doanh nghiệp 031334224 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp; ngành nghề kinh doanh chính là hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu, chi tiết là hoạt động tư vấn đầu tư (không tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý); vốn điều lệ (đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 18/11/2015) là 377 tỷ đồng gồm 05 cổ đông sáng lập là Lâm Hữu S, bà Phan Thị Ngọc K (vợ S), bà Phan Lê Mỹ H1, ông Thái Trọng H2 và Công ty Cổ phần Đ1 (do bà Vũ Thị M1 đại diện). Thực tế, các cổ đông đều chưa góp vốn vào công ty.

Công ty E do Lâm Hữu S là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc; Thái Viết L2, Nguyễn Hồng M2 là Phó Tổng giám đốc; Lê Phong H3 là Trợ lý Tổng giám đốc; Đào Văn Ý (tên khác: Đào Triệu T1) là Cố vấn kinh doanh.

Từ tháng 7/2015 đến 04/2016, Lâm Hữu S trực tiếp chỉ đạo Nguyễn Hồng M2, Đào Văn Ý và một số nhân viên Công ty E tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm giới thiệu tuyên truyền với khách hàng về Công ty E có 14 dự án kinh doanh rất hiệu quả (lợi nhuận đạt từ 17% đến 20%/tháng) và chính sách kinh doanh. Việc giới thiệu về Công ty E và các dự án của công ty theo nội dung cuốn slide của Công ty E được in thành tập và trình chiếu hình ảnh minh họa. Cuốn slide do Nguyễn Hồng M2 đưa ra ý tưởng và trực tiếp biên soạn nội dung từ nguồn hình ảnh các dự án mà S cung cấp cho M2 qua email; sau khi biên tập, M2 gửi lại cho S chỉnh sửa và duyệt để giới thiệu. Nội dung cuốn slide được M2 và S bổ sung nhiều lần để giới thiệu 14 dự án của Công ty E; trong đó có Dự án 8 là: *“Công ty E có trang trại chăn nuôi gà đẻ 02 trứng/ngày tại huyện T, tỉnh Vĩnh Long (khi giới thiệu kết hợp trình chiếu hình ảnh trang trại nuôi gà). Thực tế trang trại của bà Trần Thị V, Công ty E góp vốn 04 tỷ đồng từ tháng 8/2015 nhưng đến tháng 4/2016 mới thu được lợi nhuận 375.000.000 đồng”* và Dự án 13 là: *“Hợp tác với Công ty TNHH N2 đầu tư nâng cấp khách sạn T6 tại thành phố V từ 3 sao lên 4 sao, khách hàng tham gia góp vốn đầu tư khi nghỉ dưỡng tại khách sạn được giảm giá (khi giới thiệu kết hợp trình chiếu hình ảnh khách sạn T6 và buổi lễ ký kết hợp tác đầu tư giữa 02 công ty)”*, thực tế ngày 23/7/2015 Công ty E ký kết hợp đồng nguyên tắc, sau đó chuyển số tiền 03 tỷ đồng nhưng công ty không nhận được khoản lợi nhuận nào từ đối tác.

Về chính sách kinh doanh: Công ty E đưa ra 04 gói đầu tư, gồm:

- Gói đầu tư 20 triệu đồng trở lên: thời gian góp vốn 06 tháng, lợi nhuận 3%/tháng (tương đương 36%/năm); thời gian góp vốn 01 năm, lợi nhuận 3,5%/tháng (tương đương 42%/năm).
- Gói đầu tư 70 triệu đồng trở lên: thời gian góp vốn 06 tháng, lợi nhuận 3,5%/tháng (tương đương 42%/năm); thời gian góp vốn 01 năm, lợi nhuận 4%/tháng (tương đương 48%/năm).

- Gói đầu tư 120 triệu đồng trở lên: thời gian góp vốn 06 tháng, lợi nhuận 4%/tháng (tương đương 48%/năm); thời gian góp vốn 01 năm, lợi nhuận 4,5%/tháng (tương đương 54%/năm).

- Gói đầu tư 200 triệu đồng trở lên: thời gian góp vốn 06 tháng, lợi nhuận 5%/tháng (tương đương 60%/năm); thời gian góp vốn 01 năm, lợi nhuận 6%/tháng (tương đương 72%/năm).

Ngoài ra, nhà đầu tư giới thiệu khách hàng góp vốn vào công ty được trả tiền hoa hồng từ 35% đến 50% lợi nhuận một tháng của người vào sau. Tùy từng thời điểm Công ty E còn đưa ra chương trình khuyến mại khi khách hàng tham gia góp vốn như: trả trước 03 tháng lợi nhuận và được trừ vào tiền góp vốn; tặng chuyến du lịch Thái Lan, N; tặng 01 chỉ vàng, máy tính bảng Ipad, điện thoại Iphone.

Tiền lợi nhuận và hoa hồng của khách hàng lấy từ nguồn lợi nhuận kinh doanh của các dự án. Công ty E cam kết trả lợi nhuận đúng vào ngày tham gia góp vốn, trả tiền hoa hồng từ ngày mùng 5 đến ngày 10 hàng tháng, tiền lợi nhuận và hoa hồng Công ty E trả vào tài khoản cá nhân nhà đầu tư.

Hợp đồng góp vốn giữa khách hàng với Công ty E được công chứng bởi 03 Văn phòng công chứng: Văn phòng T công chứng cho khách hàng khu vực phía Bắc; Văn phòng Hồng H4 công chứng cho khách hàng khu vực phía Nam; Văn phòng Đồng Xoài công chứng cho khách hàng tại tỉnh Bình Phước và các tỉnh lân cận.

Kết quả điều tra, xác định:

Lâm Hữu S biết rõ 4 dự án là không có thật (dự án 1 đến 4); 07 dự án chỉ góp một phần vốn và 01 dự án chưa góp vốn (dự án 14). Trong 10 dự án có triển khai thì chỉ có 01 dự án (dự án 8) có hiệu quả nhưng không cao; 06 dự án (dự án 6, 7, 9, 10, 11, 12) không có hiệu quả, không có lợi nhuận; còn 02 dự án (dự án 5, 13) Công ty E đầu tư toàn bộ vốn thì bị thua lỗ, nhưng Lâm Hữu S vẫn tổ chức tuyên truyền quảng cáo lợi nhuận đạt 17% - 20% tháng để tạo niềm tin của khách hàng. Lâm Hữu S đưa ra 04 gói đầu tư với mức lợi nhuận từ 3% đến 6%/tháng (một số khách hàng được trả lợi nhuận 7%/tháng và trả trước 03 tháng lợi nhuận được trừ vào tiền góp vốn) và trả tiền hoa hồng cho nhà đầu tư khi giới thiệu khách hàng tham gia góp vốn để kích thích khách hàng góp nhiều vốn và tự lôi kéo thêm nhiều người khác tham gia góp vốn.

Với vai trò và hành vi của Lâm Hữu S, Nguyễn Hồng M2 và Đào Văn Ý nêu trên: từ cuối tháng 7/2015 đến 5/2016, Lâm Hữu S - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty E đã ký 947 “hợp đồng hợp tác đầu tư” hoặc “hợp đồng góp vốn” với **565** nhà đầu tư, số tiền trên hợp đồng là **173.693.000.000** đồng nhưng thực thu **153.328.600.000** đồng do khuyến mãi trả trước lợi nhuận và trừ vào tiền góp vốn số tiền 16.126.400.000 đồng, chuyển 04 khách hàng từ Công ty K2 sang ký hợp đồng góp vốn số tiền 4.218.000.000 đồng. Căn cứ sổ sách kế toán Công ty E và tài liệu điều tra, xác định số tiền 153.328.600.000 đồng đã được Lâm Hữu S sử dụng như sau:

- Trả lợi nhuận cho nhà đầu tư, số tiền 26.535.326.000 đồng;

- Trả hoa hồng cho nhà đầu tư giới thiệu khách hàng góp vốn, số tiền 19.469.951.608 đồng;
- Trả 51 nhà đầu tư rút vốn 9.383.190.000 đồng (tiền thực tế rút được);
- Chi phí hoạt động Công ty (thuê văn phòng, lương nhân viên, mua trang thiết bị, chi mua quà tặng nhà đầu tư...) số tiền 5.565.653.785 đồng;
- Chi mua 04 xe ô tô (01 xe Mercedes, 03 xe Honda City) số tiền 2.700.336.000 đồng và trả tiền gốc, lãi vay ngân hàng để mua xe ô tô Mercedes, số tiền 547.616.670 đồng;
- Tặng Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Bến Tre, số tiền 01 tỷ đồng;
- Góp vốn hợp tác đầu tư Khu liên hiệp thương mại dịch vụ chế biến lương thực, thủy sản xuất nhập khẩu N, số tiền 13 tỷ đồng;
- Góp vốn hợp tác với bà Trần Thị V dự án nuôi gà đẻ thương phẩm, số tiền 04 tỷ đồng;
- Đặt cọc cho Công ty Cổ phần X để mua đất nền Dự án khu dân cư phía Nam cảng cá P, tỉnh Bình Thuận, số tiền 01 tỷ đồng;
- Góp vốn hợp tác với Công ty TNHH Một thành viên Đ trồng chuối thương phẩm, số tiền 1.476.000.000 đồng;
- Chi cho ông Ngư Thanh C1 để đầu tư chăn nuôi vịt và bò, số tiền 6.184.130.000 đồng;
- Góp vốn 6.700.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Đ1 để mua cổ phần Công ty Cổ phần K3;
- Chi cho ông Mai Văn T2 thành lập Trung tâm N4, số tiền 1.500.000.000 đồng;
- Chi cho bà T3 Thu Liên số tiền 7.590.040.000 đồng (trong đó 03 tỷ đồng để nâng cấp khách sạn T6; 4.590.040.000 đồng để thuê tòa nhà S N và Nhà máy sản xuất đồng tại Hà Nội);
- Chi cho Nguyễn Minh T4 (lái xe của bà Trang Thu L) số tiền 600.000.000 đồng để chuyển cho bà Liên c thuê tòa nhà S N;
- Chi mua điện thoại Iphone tặng khách hàng, số tiền 480.000.000 đồng; mua quà tặng khách hàng nhân dịp khai trương Văn phòng tại Hà Nội, số tiền 300.000.000 đồng; mua trang thiết bị cho Văn phòng tại Hà Nội, số tiền 185.000.000 đồng; chuyển vào tài khoản cá nhân bà Trang Thu L, số tiền 100.000.000 đồng; chuyển cho Phương Như Q để chi lương nhân viên, văn phòng phẩm, công tác phí của Văn phòng tại Hà Nội, số tiền 656.355.000 đồng.
- Chi thưởng cho Nguyễn Hồng M2 (Phó Tổng giám đốc Công ty E) số tiền 80.000.000 đồng;
- Chi cho Nguyễn Hồng M2 sử dụng số tiền 6.487.560.777 đồng;

- Chi tiền hoa hồng cho Đào Văn Ý 630.886.700 đồng; Ý sử dụng 67.886.700 đồng trả thuế trước bạ xe ô tô Honda City (xe của công ty giao cho Ý sử dụng), còn lại 563.000.000 đồng;

- Lâm Hữu S sử dụng cá nhân, số tiền **37.156.553.460** đồng.

2. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 158/2020/HS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố Lâm Hữu S và 03 bị cáo khác phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 39 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt Lâm Hữu S tù chung thân; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/6/2016.

Về trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, buộc Lâm Hữu S phải bồi thường cho 336 bị hại Công ty E; buộc Lâm Hữu S, Phan Văn C phải bồi thường cho 80 bị hại Công ty K2.

- Buộc 07 công ty, cá nhân phải hoàn trả cho Lâm Hữu S số tiền đã nhận; trong đó:

“2. Bà Trần Thị V (Địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long) phải hoàn trả số tiền cho Lâm Hữu S số tiền là 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng)...

5. Công ty TNHH N2 do bà Trang Thu L làm Giám đốc (Địa chỉ: Số B T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) phải hoàn trả cho Lâm Hữu S số tiền 7.590.040.000 đồng (Bảy tỷ năm trăm chín mươi triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng)”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác (Phan Văn C tức Phan Tuấn A1, Nguyễn Hồng M2 và Đào Văn Ý tức Đào Triệu T1); nghĩa vụ chịu lãi suất trong trường hợp người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền bồi thường, khoản tiền hoàn trả còn lại; xử lý vật chứng; nghĩa vụ chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm; phổ biến quyền kháng cáo bản án sơ thẩm và thủ tục thi hành bản án về phần dân sự theo quy định.

3. Kháng cáo:

3.1. Ngày 01/6/2020, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH N2 là bà Trang Thu L có Đơn kháng cáo đối với một phần bản án sơ thẩm có liên quan đến nghĩa vụ hoàn trả tiền của Công ty cho Lâm Hữu S.

3.2. Ngày 03/8/2020, bà Trần Thị V (là chủ Trang trại nuôi gà đẻ; địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long) có Đơn kháng cáo đối với một phần bản án sơ thẩm có liên quan đến nghĩa vụ phải hoàn trả số tiền 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng cho Lâm Hữu S.

4. Tại phiên tòa phúc thẩm:

4.1. Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH N2 giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo do bà Trang Thu L là Giám đốc của Công ty TNHH N2 đã trình bày.

4.2. Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo Lâm Hữu S đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập nhiều lần đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt do trở ngại khách quan và sự vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử; người kháng cáo là bà Trần Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt, Công ty TNHH N2 có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa. Vì vậy, theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị cáo Lâm Hữu S và bà Trần Thị V là đúng quy định tại Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự; những người tham gia tố tụng có mặt chấp hành nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Lâm Hữu S phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội. Về việc xác định số tiền S đã chiếm đoạt và sử dụng, quá trình điều tra xác định S có đầu tư cho một số công ty, dự án khác nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà V và Công ty N2 phải trả số tiền do S phạm tội mà có là đúng quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của bà V và Công ty N2 là không có căn cứ để chấp nhận; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo Lâm Hữu S và các bị cáo khác trong vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định:

Sau khi thành lập Công ty K2, từ tháng 4/2014 đến tháng 11/2014 Lâm Hữu S và Phan Văn C đã thực hiện hành vi lừa đảo để huy động vốn của 140 khách hàng với tổng số tiền 45.498.000.000 đồng. Do Lâm Hữu S và Phan Văn C đã sử dụng vốn vay lãi suất cao để chi phí mọi hoạt động của Công ty; sử dụng tiền vay của người sau để trả gốc, lãi cho người trước và chiếm đoạt tổng số tiền 17.500.520.860 đồng dẫn đến không hoàn trả được cho 97 khách hàng số tiền gốc là 19.616.900.000 đồng.

Sau khi Công ty K4 hoạt động, Lâm Hữu S tiếp tục thành lập Công ty E do S làm Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc. Lâm Hữu S đã chỉ đạo Nguyễn Hồng M2, Đào Văn Ý tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm giới thiệu về các dự án kinh doanh của Công ty E để thu hút khách hàng góp vốn đầu tư vào Công ty E. Tại các buổi hội thảo, tọa đàm, Lâm Hữu S, Nguyễn Hồng M2, Đào Văn Ý trực tiếp giới

thiệu, tuyên truyền với khách hàng sai sự thật về việc Công ty E có 14 dự án kinh doanh rất hiệu quả (lợi nhuận đạt từ 17% - 20%/tháng), nếu nhà đầu tư góp vốn vào Công ty E được hưởng lãi suất từ 36% - 72%/năm. Bằng thủ đoạn trên, từ cuối tháng 7/2015 đến 5/2016, Lâm Hữu S và các bị cáo khác đã thu hút được 565 khách hàng góp vốn vào Công ty E theo 947 “hợp đồng hợp tác đầu tư” hoặc “hợp đồng góp vốn”; trong đó số tiền góp vốn ghi trên hợp đồng là 173.693.000.000 đồng, số tiền thực thu được 153.328.600.000 đồng. Thực tế Công ty E không có các dự án đầu tư như quảng bá mà Lâm Hữu S đã sử dụng tiền vay để chi phí mọi hoạt động của công ty; sử dụng tiền vay của người sau để chi hoa hồng và trả gốc, lãi cho người trước; chi mua ô tô, tặng quà, góp vốn... với tổng số tiền Lâm Hữu S đã sử dụng là 108.973.599.063 đồng. Còn lại S chiếm đoạt sử dụng cho cá nhân 37.156.553.460 đồng là của 509 người bị hại góp vốn (đến nay có 336 người bị hại đã lấy được lời khai và yêu cầu bồi thường số tiền gốc là 106.648.911.540 đồng).

Với những hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố Lâm Hữu S phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và xử phạt bị cáo tù chung thân; đồng thời buộc bị cáo Lâm Hữu S, Phan Văn C phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vụ án này chỉ có 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị V (chủ Trang trại nuôi gà đẻ tại Ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long) và Công ty TNHH N2 có kháng cáo đối với một phần bản án sơ thẩm về nội dung liên quan đến nghĩa vụ của họ, cụ thể là đối với phần quyết định của Bản án sơ thẩm “Buộc các công ty, cá nhân phải hoàn trả cho Lâm Hữu S số tiền đã nhận”, trong đó:

“2. Bà Trần Thị V (Địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long) phải hoàn trả số tiền cho Lâm Hữu S số tiền là 4.000.000.000 (Bốn tỷ) đồng...”

5. Công ty TNHH N2 do bà Trang Thu L làm Giám đốc (Địa chỉ: Số B T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) phải hoàn trả cho Lâm Hữu S số tiền 7.590.040.000 (Bảy tỷ năm trăm chín mươi triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng”.

Căn cứ vào quy định tại Điều 343 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ngoài 02 nội dung có kháng cáo nêu trên thì phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, phần trách nhiệm dân sự của các bị cáo với các bị hại và những phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2] Xét kháng cáo của bà Trần Thị V và của Công ty TNHH N2 thì thấy:

Trong số tiền bị cáo Lâm Hữu S (Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty E) đã chiếm đoạt của các bị hại, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Lâm Hữu S đã sử dụng 04 tỷ đồng để góp vốn hợp tác với bà Trần Thị V dự án nuôi gà đẻ thương phẩm (bà V đã nộp cho Cơ quan điều tra 327.000.578 đồng tiền lãi); chuyển cho bà T3 Thu L là Giám đốc Công ty TNHH N2 số tiền 7.590.040.000 đồng để thực

hiện nâng cấp khách sạn T6, thuê nhà số D N và nhà máy sản xuất đồng tại Hà Nội. Từ đó, đã tuyên buộc bà Trần Thị V phải hoàn trả cho Lâm Hữu S số tiền 4.000.000.000 đồng và Công ty TNHH N2 do bà Trang Thu L làm Giám đốc phải hoàn trả cho Lâm Hữu S số tiền 7.590.040.000 đồng.

[2.1] Đối với kháng cáo của Công ty TNHH N2:

Công ty TNHH N2 cho rằng: *thứ nhất*, các khoản tiền đầu tư xây dựng cải tạo khách sạn T6 (03 tỷ đồng) là theo đề nghị của Lâm Hữu S (khách sạn này vốn là của Ban cơ yếu do Công ty N2 đầu tư từ trước, sau đó Công ty N2 tiếp tục cam kết thuê khách sạn thì S đến ký hợp đồng hợp tác và cam kết đầu tư 20 tỷ đồng), Công ty N2 là ngay tình, số tiền 03 tỷ đồng đã đầu tư hết vào khách sạn T6 và khi Công ty N2 bị chấm dứt hợp đồng thì Ban cơ yếu không trả lại tiền đã đầu tư, do đó Ban cơ yếu mới là người thụ hưởng khoản tiền đó; *thứ hai*, các khoản tiền Lâm Hữu S tự nguyện đóng góp vào các chương trình từ thiện (130 triệu đồng) đã được chuyển đến làm từ thiện thực tế nên không thể thu hồi lại để trả cho Lâm Hữu S; *thứ ba*, khoản tiền Lâm Hữu S chuyển cho lái xe của Công ty N2 (600 triệu đồng) là không đúng, Công ty không có nghĩa vụ hoàn trả; *thứ tư*, các khoản tiền khác Lâm Hữu S chuyển cho Công ty qua tài khoản có ghi nội dung đầu tư nhà máy đồng thực tế là khoản tiền theo đề nghị của S thì Công ty N2 cho Công ty Cổ phần E vay nợ, sau đó S trả nợ thay Công ty Cổ phần E cho Công ty N2. Tóm lại, Công ty N2 hoàn toàn ngay tình đối với những khoản tiền mà S đã chuyển, mặt khác còn phải chịu nhiều thiệt hại từ sự hợp tác của S nên không có trách nhiệm hoàn trả cho Lâm Hữu S. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH N2 phát biểu ý kiến giữ nguyên những nội dung trên và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Công ty TNHH N2.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra vụ án, đại diện của Công ty N2 xác nhận S có chuyển cho Công ty 7.089.380.000 đồng nhưng tại phiên tòa sơ thẩm đã làm rõ S đã chuyển cho Công ty TNHH N2 số tiền 7.590.040.000 đồng và số tiền này là do Lâm Hữu S sau khi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại đã chuyển cho Công ty TNHH N2. Do Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc Lâm Hữu S phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại nên theo đó đã tuyên buộc Công ty TNHH N2 phải hoàn trả lại cho Lâm Hữu S số tiền này là hoàn toàn có căn cứ pháp luật. Những căn cứ và lý do kháng cáo mà Công ty TNHH N2 nêu trên thuộc mối quan hệ pháp luật khác nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Trường hợp Công ty TNHH N2 xác định có giao dịch dân sự hoặc kinh doanh thương mại với S và hậu quả từ giao dịch đó đã gây thiệt hại cho Công ty thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Đối với kháng cáo của bà Trần Thị V:

Bà Trần Thị V kháng cáo cho rằng đến cuối tháng 4/2016 bà đã chuyển cho Công ty của Lâm Hữu S số tiền lợi nhuận (lãi) theo thỏa thuận với Lâm Hữu S đối với số tiền L2 đã góp vốn vào Trang trại (04 tỷ đồng) là 375.000.000 đồng và trong

quá trình điều tra vụ án bà tiếp tục chuyển số tiền lợi nhuận 217.130.000 đồng vào tài khoản của Cơ quan điều tra. Sau đó, vào tháng 11/2017 khi hợp đồng góp vốn hết hiệu lực, bà đã chuyển 110.000.000 đồng vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan điều tra với nội dung “chuyển trả dần nợ gốc của Công ty E”. Như vậy, tính đến thời điểm hiện nay bà chỉ còn nợ công ty góp vốn số tiền 3.890.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà phải hoàn trả cho Lâm Hữu S 04 tỷ đồng là không đúng thực tế.

Hội đồng xét xử xét thấy: Khi gửi Đơn kháng cáo, bà Trần Thị V có gửi kèm theo bản phô tô chứng từ giao dịch ủy nhiệm chi số tiền 110.000.000 đồng vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan điều tra với nội dung như đã nêu trên (bút lục: 26839). Tuy nhiên chứng từ này không được công chứng hoặc chứng thực theo quy định nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có đủ cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị V. Trường hợp Lâm Hữu S có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền này thì bà V có quyền xuất trình tài liệu gốc để thỏa thuận việc thi hành án đối với Lâm Hữu S hoặc giao nộp cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định.

Như vậy, kháng cáo của Công ty TNHH N2 và của bà Trần Thị V, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty TNHH N2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; bà Trần Thị V là người cao tuổi được miễn không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị V và của Công ty TNHH N2; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 158/2020/HS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về phân trách nhiệm dân sự đối với bà Trần Thị V và Công ty TNHH N2.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, buộc:

“2. Bà Trần Thị V (Địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long) phải hoàn trả số tiền cho Lâm Hữu S số tiền là 4.000.000.000 (Bốn tỷ) đồng.

5. Công ty TNHH N2 do bà Trang Thu L làm Giám đốc (Địa chỉ: Số B T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) phải hoàn trả cho Lâm Hữu S số tiền 7.590.040.000 (Bảy tỷ năm trăm chín mươi triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng”.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

2.1. Bà Trần Thị V được miễn không phải nộp.

2.2. Công ty TNHH N2 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Trang Thu L đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020202 ngày 13 tháng 6 năm 2020.

3. Các quyết định của Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Lâm Hữu S và các bị cáo khác (Phan Văn C tức Phan Tuấn A1, Nguyễn Hồng M2 và Đào Văn Ý tức Đào Triệu T1); trách nhiệm dân sự của các bị cáo Lâm Hữu S, Phan Văn C đối với các bị hại; trách nhiệm dân sự của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác (Công ty TNHH N5, Công ty Cổ phần X1, Công ty TNHH Một thành viên Đ, ông Ngư Thanh C1, ông Mai Văn T2) đối với Lâm Hữu S; trách nhiệm dân sự của bị cáo Lâm Hữu S đối với bị cáo Đào Văn Ý (tức Đào Triệu T1); nghĩa vụ chịu lãi suất trong trường hợp người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền bồi thường, hoàn trả còn lại; xử lý vật chứng; nghĩa vụ chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Thủ tục thi hành bản án về phần trách nhiệm dân sự được thực hiện theo hướng dẫn tại Bản án sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 19 tháng 7 năm 2024).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- Bị cáo Lâm Hữu Sơn;
- Các bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Điền